

Bản án số: 76/2017/DSPT

Ngày 20 - 9 - 2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng hùn vốn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoàng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thanh Hùng

Bà Nguyễn Lệ Kiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ni - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Diễm Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng hùn vốn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Tuấn V, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BM, xã AT, huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Phạm Văn H, sinh năm 1989.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn anh Phạm Tuấn V trình bày:* Vào khoảng tháng 8 năm 2015 anh và anh Phạm Văn H có thỏa thuận hùn vốn để làm máy khoan đất. Hai người cùng đi mua phà, máy, ông về lắp ráp thành máy khoan. Số tiền mà anh hùn vốn với anh H là 45.000.000 đồng. Việc hùn vốn chỉ nói miệng không làm giấy tờ, thỏa thuận khi đến mùa khoan đất sẽ dùng máy khoan để khoan thuê cho người khác, sau khi trừ chi phí thì chia đôi. Khoảng tháng 9 năm 2015 lần làm ăn đầu tiên sau khi đã trừ hết chi phí thì mỗi người được 5.300.000 đồng tiền lời. Đến khoảng tháng 02/2016 thì anh H tự ý

lấy máy khoan đất cho người khác nhưng không chi tiền lời cho anh. Do đó, anh yêu cầu anh H trả lại phần vốn anh đã hùn mua máy khoan nhưng anh H chỉ đồng ý trả cho anh 25.000.000 đồng, nay anh khởi kiện yêu cầu anh H phải trả cho anh số tiền hùn vốn là 45.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của anh H thì anh không đồng ý. Anh thừa nhận trước đây khi quyết toán với anh H thì anh chỉ còn thiếu anh H số tiền 5.300.000 đồng, anh không thừa nhận việc anh H cho rằng đã đưa dư cho anh số tiền 13.400.000 đồng.

*Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:* Anh xác định giữa anh và anh V có thỏa thuận hùn vốn để làm máy khoan đất, nhưng tổng chi phí hai người hùn vào là 70.000.000 đồng. Việc thỏa thuận chỉ nói miệng không làm giấy tờ, thỏa thuận khi đến mùa khoan đất sẽ dùng máy khoan để khoan thuê cho người khác, sau khi trừ chi phí còn lời bao nhiêu thì chia đôi. Sau 02 lần làm ăn thì có một khoản lời cũng đã chia xong, giữa anh và anh V không tranh chấp phần tiền đã chia. Sau khi khoan đất thuê thì phà máy và máy khoan để nhà anh V, nhưng do anh V không bảo quản, phà máy bị hư hỏng nhiều. Đến khoảng tháng 02 năm 2016 anh đến nhà anh V lấy dàn máy khoan đi sửa chữa để chuẩn bị đi khoan, anh V không đồng ý mà yêu cầu anh phải trả lại tiền hùn vốn là 45.000.000 đồng, anh có đem 25.000.000 đồng để trả anh V nhưng anh V không đồng ý mà yêu cầu anh trả số tiền là 35.000.000 đồng nên phát sinh tranh chấp. Anh không đồng ý yêu cầu của anh V vì thực tế tiền anh V hùn vào chỉ có 35.000.000 đồng. Mặt khác, máy khoan đã qua sử dụng nên giá trị hiện tại chỉ khoảng 50.000.000 đồng. Nay anh chỉ đồng ý trả lại tiền hùn vốn cho anh V là 25.000.000 đồng.

Anh H xác định trước đây anh có thuê anh V làm nhân công để khoan đất, anh V làm cho anh được 13 ngày, mỗi ngày công của anh V là 300.000 đồng, tổng số tiền anh V được nhận là 3.900.000 đồng, nhưng anh trả cho anh V 12.000.000 đồng, nên anh V còn thiếu anh số tiền 8.100.000 đồng. Ngoài ra, khi tính toán để chia tiền thì anh V còn thiếu lại anh số tiền 5.300.000 đồng. Tổng cộng hai khoản tiền là 13.400.000 đồng. Nay anh yêu cầu phản tố, yêu cầu anh V phải trả lại cho anh số tiền này thì anh mới đồng ý trả cho anh V 25.000.000 đồng.

*Từ nội dung trên tại Bản án số 23/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bạc Liêu quyết định:*

Áp dụng khoản 3, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 và 424 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tuấn V đối với anh Phạm Văn H.

Buộc anh Phạm Văn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Phạm Tuấn V số tiền mua phà máy khoan đất (và các dụng cụ kèm theo phà) với số tiền 40.800.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tuấn V đối với anh Phạm Văn H về việc yêu cầu đòi lại số tiền 45.000.000 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Tuấn V và anh Phạm Văn H, buộc anh Phạm Tuấn V phải giao lại cho anh Phạm Văn H 100m ống khoan đất hiệu Đạt Hòa màu xanh (tương ứng với số tiền 4.500.000 đồng).

Anh Phạm Văn H đang quản lý sử dụng phà máy khoan đất (và các dụng cụ kèm theo phà) được tiếp tục quản lý sử dụng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn H đối với anh Phạm Tuấn V về việc đòi lại tài sản.

Buộc anh Phạm Tuấn V có nghĩa vụ trả lại cho anh Phạm Văn H số tiền 5.300.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H đối với anh Phạm Tuấn V về việc đòi lại số tiền lên đến 13.400.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí, điều luật thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017 bị đơn anh Phạm Văn H kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung: Anh chỉ đồng ý trả cho anh V số tiền đã hùn vốn là 25.000.000 đồng và yêu cầu anh V trả cho anh số tiền 13.400.000 đồng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm anh Phạm Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn H, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh Phạm Tuấn V và anh Phạm Văn H đều thống nhất xác định vào khoảng tháng 8 năm 2015 hai bên có thỏa thuận hùn vốn mua máy khoan đất và thống nhất lấy kết quả định giá ngày 15 tháng 6 năm 2017 để làm cơ sở giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm. Do các bên đương sự đã tự thống nhất vấn đề nêu trên nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh H không đồng ý trả cho anh V tiền hùn vốn mua máy khoan đất là 45.000.000 đồng, anh chỉ đồng ý trả cho anh V 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào tháng 8 năm 2015 giữa anh V và anh H có thỏa

thuận cùng nhau góp tiền để hùn mua phụ tùng về lắp ráp thành máy khoan đất để đi khoan thuê. Trong quá trình sử dụng vào khoảng tháng 02 năm 2016 anh H tự ý lấy máy khoan đi sử dụng cho cá nhân anh nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, anh V yêu cầu anh H hoàn trả tiền đã hùn vốn mua máy khoan là 45.000.000 đồng. Còn anh H xác định có hùn mua máy khoan với anh V nhưng thực tế anh V chỉ hùn 35.000.000 đồng. Do máy khoan đã qua sử dụng, giá trị thực tế chỉ còn khoảng 50.000.000 đồng nên anh chỉ đồng ý hoàn trả cho anh V số tiền 25.000.000 đồng. Do hai bên đương sự không thống nhất được giá trị máy khoan đất nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thành lập Hội đồng định giá định giá tài sản giá trị thực tế và đã có khấu hao; theo biên bản định giá ngày 15 tháng 6 năm 2017 xác định giá trị còn lại của máy khoan đất vào thời điểm tháng 02 tháng năm 2016 là 81.600.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh V và anh H đều thống nhất xác định là có ký vào biên bản định giá ngày 15 tháng 6 năm 2017 nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biên bản định giá này làm cơ sở giải quyết vụ án và buộc anh H hoàn trả  $\frac{1}{2}$  giá trị máy khoan đất cho anh V với số tiền 40.800.000 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh H yêu cầu anh V có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã nợ cho anh là 13.400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Anh H là người yêu cầu anh V trả số tiền 13.400.000 đồng thì anh H phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng anh H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, tại phiên tòa phúc thẩm anh H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Trong khi đó anh V chỉ thừa nhận còn nợ anh H 5.300.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ghi nhận sự tự nguyện của anh V, buộc anh V có nghĩa vụ trả lại cho anh H số tiền 5.300.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn H, có căn cứ chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng anh Phạm Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 3, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, 424 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tuấn V đối với anh Phạm Văn H về việc đòi tiền hùn vốn.

- Buộc anh Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Tuấn V số tiền 40.800.000 đồng đã hùn vốn mua máy khoan đất và các dụng cụ kèm theo phà.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tuấn V đối với anh Phạm Văn H về việc yêu cầu đòi lại số tiền hùn vốn 4.200.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Tuấn V và anh Phạm Văn H, buộc anh Phạm Tuấn V giao lại cho anh Phạm Văn H 100m ống khoan đất hiệu Đạt Hòa màu xanh.

- Anh Phạm Văn H đang quản lý sử dụng phà, máy khoan đất và các dụng cụ kèm theo phà được tiếp tục quản lý, sử dụng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn H đối với anh Phạm Tuấn V.

- Buộc anh Phạm Tuấn V có nghĩa vụ trả lại cho anh Phạm Văn H số tiền 5.300.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn H đối với anh Phạm Tuấn V về việc đòi lại số tiền 8.100.000 đồng.

3. Về chi phí định giá tài sản 500.000 đồng, anh Phạm Tuấn V và anh Phạm Văn H mỗi người phải chịu 250.000 đồng. Anh Phạm Tuấn V đã nộp 500.000 đồng, đã chi phí hết. Buộc anh Phạm Văn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Phạm Tuấn V số tiền 250.000 đồng.

4. Về án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Phạm Văn H phải chịu số tiền 2.445.000 đồng. Anh Phạm Văn H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 335.000 đồng, theo biên lai thu số 0004996, ngày 15 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, anh Phạm Văn H còn phải nộp tiếp số tiền 2.110.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Phạm Tuấn V phải chịu 475.000 đồng. Anh Phạm Tuấn V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 0004975 ngày 21 tháng 10 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện C, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Anh Phạm Tuấn V còn được nhận lại số tiền 650.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng anh Phạm Văn H phải chịu. Anh Phạm Văn H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006573 ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm dân sự có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện C (01 bản);
- Chi cục THADS huyện C (01 bản);
- Đương sự (02 bản);
- Lưu TDS (01 bản).

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hoàng**